

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 7 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Ông Trần Minh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị A, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh B, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện R, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông C, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị A và bị đơn anh B thống nhất trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh B chung sống với nhau vào khoảng năm 2021, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Q vào ngày 11/01/2021 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo chị A, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau, anh B không lo làm ăn, thường nhậu nhẹt và nhiều lần đã hành hung đánh đập chị, anh chị ly thân với nhau từ đầu tháng 11 năm 2022 đến nay, hiện tại không hàn gắn được mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không còn, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B.

Anh B xác định thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, tính tình không hợp, đã ly thân với nhau từ đầu tháng 11 năm 2022 đến nay, thống nhất hiện tại anh chị không hàn gắn được mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không còn, nên anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

+ Về con chung: Chị A và anh B chung sống với nhau có 01 người con chung tên E, sinh ngày 02/8/2021.

Chị A xác định, từ lúc sinh ra con chung sống với vợ chồng anh chị tại Bình Dương. Vợ chồng anh chị đi làm công nhân, con gửi nhà trẻ. Nhưng vào ngày 21/02/2023, anh B đã tự ý đến nhà trẻ bắt con về nhà ông bà nội ở ấp P, xã Q, huyện R, tỉnh Bạc Liêu ở đến nay. Hiện nay, cháu E còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ, nên khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng đến khi cháu E tròn 18 tuổi.

Anh B xác định, từ lúc vợ chồng ly thân thì chị A là người trực tiếp nuôi con, nhưng đến ngày 21/02/2023, anh B đã đến rước con đưa về nhà cha mẹ ruột của anh ở ấp P, xã Q, huyện R, tỉnh Bạc Liêu ở đến nay.

Sau khi về nhà cha mẹ ruột, anh B xin đi làm tại cửa hàng Vật liệu xây dựng Tuấn Khanh, theo hợp đồng tiền lương mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng, hiện tại anh đủ điều kiện để nuôi con nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: chị A và anh B thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về nuôi con chung: Giao người con là E, sinh ngày 02/8/2021 cho chị A được nuôi dưỡng giáo dục.

Buộc anh B phải có nghĩa vụ giao lại người con là E, sinh ngày 02/8/2021 cho chị A được nuôi dưỡng giáo dục.

Anh B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng đến khi con của anh chị tròn 18 tuổi.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 27/3/2023, bị đơn anh B kháng cáo không đồng ý giao cháu E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh B trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Luật sư cho rằng chị A đang nuôi 02 người con riêng (Tòa án huyện O, tỉnh Đồng Tháp giải quyết) nên nếu giao cháu E cho chị A nuôi sẽ không đảm bảo chăm sóc tốt, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giao cháu E cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B; Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 40/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn anh B. Địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn (anh B) tại ấp P, xã Q, huyện R, tỉnh Bạc Liêu, nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Tại quyết định của bản án sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B; Không xử lý tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu. Xét thấy, chị A và anh B không kháng cáo, Viện kiểm sát không

kháng nghị đối với các nội dung này nên các nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh B không đồng ý giao cháu E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng: Xét thấy, do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con nên để quyết định giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, Tòa án cần đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: “... *Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*”. Do đó, Tòa án xem xét, đánh giá chứng cứ toàn diện, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con là yếu tố quan trọng nhất để quyết định việc giao con chung.

[5] Xét điều kiện kinh tế của chị A và anh B, chị A chứng minh mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng, anh B chứng minh mức thu nhập 12.000.000 đồng/tháng. Như vậy, hiện tại cả chị A và anh B đều có việc làm, có thu nhập ổn định nên cả hai đều đảm bảo điều kiện kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, điều kiện kinh tế chỉ là một trong các điều kiện cần thiết khi nuôi con, Tòa án còn xem xét điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung.

[6] Tuy hiện nay cháu E do anh B trực tiếp chăm sóc, nhưng anh B thừa nhận khi cháu E đang ở chung với chị A, anh B đã tự ý đến nơi giữ trẻ đón cháu E về nhà cha mẹ ruột của anh cho đến nay. Xét thấy, cháu E, sinh ngày 02/8/2021, tính đến ngày xét xử sơ thẩm và đến nay cháu E dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*” Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nhận định cháu E còn rất nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và buộc anh B giao cháu E cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, đã xem xét, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật đúng, đầy đủ, đảm bảo quyền lợi tốt nhất và sự phát triển toàn diện của con chung.

[7] Anh B kháng cáo không đồng ý giao cháu E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh B không chứng minh được chị A không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tại cấp phúc thẩm, anh B cung cấp chứng cứ là xác nhận về việc chị A đã có 02 người con chung với người chồng trước, cung cấp quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 235 ngày 30/8/2017 của TAND huyện O, tỉnh Đồng Tháp giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, các giấy khai sinh của 02 người con riêng của chị A để chứng minh điều kiện nuôi con của chị A là khó khăn. Xét các chứng cứ do anh B cung cấp thể hiện chị A nuôi dưỡng hai con chung với người chồng trước từ năm 2017 đến nay, cha ruột của các con chung không yêu cầu thay đổi việc nuôi con, điều đó thể hiện các con riêng của chị A đã được chị A nuôi dưỡng đầy đủ, đảm bảo quyền lợi của các con chung, không ảnh hưởng đến quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con dưới 36 tháng tuổi của chị A. Việc chị A được cấp sơ thẩm giao cháu E là con chưa đủ 36 tháng tuổi cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là đúng

quy định pháp luật. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc anh B giao cháu E, sinh ngày 02/8/2021 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không chấp nhận kháng cáo của anh B.

[8] Nếu trong quá trình chị A trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh B có căn cứ chứng minh người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Xét kháng cáo của anh B không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu chị A không nuôi con thì giao con cho anh nuôi chứ anh không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Như vậy, chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Xét mức cấp dưỡng, cấp sơ thẩm căn cứ mức thu nhập của anh B mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng, căn cứ mức sống bình quân trung bình ở địa phương để quyết định mức cấp dưỡng cho cháu E mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con chung. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B về việc không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

[10] Xét ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng Án lệ số 54/2022/AL về việc giữ ổn định người đang trực tiếp nuôi con chung, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu E cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, nội dung Án lệ số 54/2022/AL thể hiện người mẹ tự ý bỏ đi từ khi con còn rất nhỏ, không quan tâm đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người con được người cha nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt và đã quen với điều kiện, môi trường sống đó, khác với trường hợp của chị A đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh B tự ý đón con về Bạc Liêu, chị A đã nộp đơn khởi kiện ngay để yêu cầu ly hôn và được trực tiếp nuôi con, chị A không từ bỏ quyền nuôi con. Như đã nhận định trên, để bảo vệ tốt nhất quyền lợi về mọi mặt cho cháu E, cần giao cháu E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bạc Liêu phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[12] Về án phí phúc thẩm: Do anh B kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ

thẩm số 40/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về con chung:

- Giao cháu E, sinh ngày 02/8/2021 cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Buộc anh B có nghĩa vụ giao cháu E, sinh ngày 02/8/2021 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- Buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng đến khi cháu E tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009940 ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R được chuyển thu án phí toàn bộ 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con buộc anh B phải nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện R.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh B phải chịu 300.000 đồng, anh B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000045 ngày

27/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện R (01 bản);
- CCTHADS huyện R (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt